

Bản án số: 03 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 01 - 2020

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Phương.

Ông: Dương Đức Bản.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại Q, sinh năm 1959. Nơi ĐKKHKT và cư trú: TDP 1 M, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1980. Nơi ĐKKHKT: TDP 1 M, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Số x đường V, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2019, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Đại Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Trương Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với nhau tại nhà của ông Q ở Tổ dân phố 1 M, phường B, TP. Đ. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do độ tuổi vợ chồng quá chênh lệch nhau dẫn đến tâm lý, sinh lý và suy nghĩ không phù hợp, không hiểu nhau, không quan tâm và trách nhiệm với nhau. Hai bên cũng đã cố gắng khắc phục nhưng không hàn gắn được, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn, từ đầu năm 2019 vợ chồng sống ly thân, đến tháng 7/2019 thì mỗi người một nơi, đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên ông Q làm đơn xin được ly hôn để tạo điều kiện cho cả hai bên có cuộc sống tốt hơn. Tại Tòa, bà T đã đồng ý ly hôn nhưng hai bên chưa thống nhất về việc nuôi

con và tài sản; bà T khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung nhưng sau đó không nộp tạm ứng án phí và không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải theo thông báo của Tòa, các số điện thoại của bà T trước đó dùng ông Q đều không liên lạc được. Tại phiên tòa ông Q giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Đại Minh Đ, sinh ngày 16/9/2012, từ đầu tháng 9/2019 bà Tuyết bỏ đi đâu không rõ và nhờ chị gái gọi ông Q đến nhà đưa cháu Đ về nuôi dưỡng, hiện cháu đang ở với ông Q, sau ly hôn ông Q xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với bố.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đất và nhà là của ông Q có trước hôn nhân, hai bên tự thỏa thuận; ông Q không yêu cầu tòa án giải quyết chia tài sản.

* Tại bản tự khai ngày 22/7/2019 và trong đơn yêu cầu phân chia tài sản chung đề ngày 19/8/2019, bị đơn bà Trương Thị Tuyết trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống của vợ chồng như ông Q đã khai; hai vợ chồng quen biết tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký tại UBND xã P, huyện L ngày 22/02/2012. Trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ về nhiều mặt khác nhau. Nay bà T cũng đồng ý xin ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Đại Minh Đ, sinh ngày 16/9/2012, nguyện vọng sau ly hôn bà T xin được nuôi con, yêu cầu ông Q trợ cấp nuôi con theo tự nguyện.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có xây dựng 01 ngôi nhà hai tầng diện tích khoảng 200 m² trên thửa đất số 278, tờ bản đồ số 32, diện tích 136,5 m² tại TDP 1 M, phường B đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên ông Q, tổng trị giá khoảng 1,3 tỷ đồng; ngoài ra còn có 1 xe ô tô 4 chỗ ngồi hiệu MAZDA trị giá khoảng 400.000.000 đồng. Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết để hai bên tự thỏa thuận nhưng ông Q không thực hiện và có ý định bán hết tài sản để trốn tránh nghĩa vụ; bà T đề nghị Tòa ngăn chặn việc chuyển nhượng tài sản và thực hiện phân chia tài sản chung trong hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Đại Q, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho cho bà Trương Thị T là bị đơn, bà T đã đến Tòa theo giấy triệu tập để tự khai, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà T không đến Toà án để hoà giải theo giấy triệu tập nên Toà án không thể tiến hành hoà giải được. Ngày 19/8/2019, bà T làm đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà T nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà T không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật; do đó, Tòa án không thụ lý yêu cầu phân chia tài sản của bà T.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tại phiên tòa ngày 03/01/2020 bà T vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên tòa lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, tại phiên tòa hôm nay bà T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đại Q và bà Trương Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, ông bà phải biết thương yêu, chung thủy, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, ông bà đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ trách nhiệm, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, hai bên đã sống ly thân, vợ chồng đã thực sự chấm dứt quan hệ, không có trách nhiệm gì với nhau. Ông Q làm đơn xin ly hôn bà T cũng đồng ý ly hôn và không đến Tòa để được hòa giải. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Sau ly hôn ông Q và bà T đều xin được trực tiếp nuôi con chung, ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng, còn bà T yêu cầu ông Q đóng góp cấp dưỡng theo tự nguyện của ông Q. Hiện nay bà T đã giao con lại cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q, giao cháu Trần Đại Minh Đ, sinh ngày 16/9/2012 cho ông Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Q không yêu cầu bà T cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà T có đơn yêu cầu phân chia tài sản; tòa án đã nhiều lần thông báo để bà T nộp tạm ứng án phí nhưng bà T không thực hiện nộp tạm ứng án phí phân chia tài sản và cũng không đến Tòa theo triệu tập nhiều lần, được coi là từ bỏ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án không xem xét. Giành quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn cho bà T bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Đại Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Đại Q được ly hôn bà Trương Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Trần Đại Minh Đ, sinh ngày 16/9/2012 cho ông Trần Đại Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi, bà Trương Thị T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ông Q.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đại Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền ông Q phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0005323 ngày 12 tháng 6 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND xã P, huyện L, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Sơn